

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA A NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HNGĐ - ST

Ngày 28 - 4 - 2025

V/v tranh chấp Hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA A NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đôn Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hào
2. Bà Trần Thị Năm

- **Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Quang Đại - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:** Ông Phó Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2025/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn D, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hữu B, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn D, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/02/2025 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 08/10/2013. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 10 năm 2016, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không thể chia sẻ, cảm thông cho nhau về nhiều vấn đề trong cuộc

sống. Chị và anh B thường xuyên xảy ra cãi vã gây rạn nứt tình cảm. Từ tháng 4 năm 2019 chị và anh B đã sống ly thân. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu B. Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật Quân, sinh ngày 01/11/2014; hiện tại cháu Quân đang ở cùng chị. Ly hôn chị A đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn anh Nguyễn Hữu B nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên không thu thập được lời khai của anh Nguyễn Hữu B.

Tại biên bản làm việc ngày 20/02/2025 và ngày 18/3/2025, ông Nguyễn Hữu Bính bố đẻ anh Nguyễn Hữu B trình bày: Các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho anh B ông đã nhận thay, đã thông báo và giao lại cho anh B. Hiện nay anh B vẫn đăng ký thường trú tại tổ dân phố C, thị trấn D, huyện Bình Xuyên và ở cùng vợ chồng ông. Về yêu cầu của Tòa án đề nghị ông cung cấp địa chỉ làm việc hiện tại của anh B, ông đã nhiều lần hỏi tuy nhiên anh B không trả lời nên ông không thể cung cấp được. Ông cũng đã thuyết phục anh B lên Tòa án làm việc theo giấy báo nhưng anh B đều báo bận công việc không thể sắp xếp được thời gian. Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, ông Bính xác nhận như lời trình bày của chị A, về nguyên nhân mâu thuẫn thì ông có nghe anh B kể lại là do chị A có quan hệ tình cảm với người khác. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A ông cũng đã trao đổi với anh B, quan điểm của anh B là đồng ý ly hôn. Anh B và chị A có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật Quân sinh ngày 01/11/2014, hiện nay cháu Quân đang ở với chị A, ly hôn anh B đề nghị chị A tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ghi nhận nguyện vọng của con chung là cháu Nguyễn Nhật Quân, sinh ngày 01/11/2011: Cháu Quân mong muốn được ở cùng mẹ là chị Nguyễn Thị A.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A, cho chị A được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết. Ngoài ra còn đề nghị về án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ tranh chấp: Chị A có đơn đề nghị ly hôn anh B và giải quyết về vấn đề con chung, do vậy xác định quan hệ tranh chấp là “Hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thị trấn D, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hữu B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Hữu B lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc nên chị A, anh B là vợ chồng hợp pháp.

Căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án có cơ sở để xác định: Mâu thuẫn của chị A và anh B bắt đầu phát sinh từ năm 2016, đến tháng 4 năm 2019 thì vợ chồng anh chị sống ly thân. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trong khoảng thời gian dài nhưng cả hai bên đều không có giải pháp gì để về đoàn tụ. Vợ chồng không còn quan tâm nhau cả về đời sống vật chất lẫn tinh thần. Vì vậy có đủ cơ sở để xác định: Tình trạng hôn nhân giữa chị A, anh B đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần cho chị A, anh B ly hôn.

[3] Về con chung: Chị A, anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật Quân, sinh ngày 01/11/2014. Cháu Quân hiện đang ở cùng chị A. Chị A có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án, tuy anh B không lên Tòa án làm việc, nhưng qua lời trình bày của ông Bính (bố đẻ anh B) xác định nguyện vọng của anh B là để cháu Quân được ở cùng mẹ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/02/2025, cháu Quân cũng thể hiện quan điểm xin được ở cùng chị A.

Xét thấy việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Để B đảm quyền và lợi ích chính đáng của cháu Quân và cũng là nguyện vọng của cả chị A, anh B, cháu Quân nên cần giao cho chị A nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là phù

hợp. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Nguyễn Hữu B.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị A được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Nhật Quân, sinh ngày 01/11/2014. Anh Nguyễn Hữu B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002691 ngày 14/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
5. Thời hạn kháng cáo bản án: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Cục THADS huyện Bình Xuyên;
- UBND thị trấn D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đôn Minh Tiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn An Bùi Thị Bích Liên Nguyễn Thị Thu Hiền

